

「세금관리법」

- 국 가 · 지 역: 베트남
- 법 률 번 호: 법률 제78/2006/QH11호, 제21/2012/QH13호(일부개정)
- 제 정 일: 2006년 11월 29일
- 개 정 일: 2012년 11월 20일

| 원문 | 번역문 |
|--|--|
| <p>Chương VII THỦ TỤC HOÀN THUẾ</p> <p>Điều 57. Các trường hợp thuộc diện hoàn thuế</p> <p>Cơ quan quản lý thuế thực hiện hoàn thuế đối với các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng; 2. Tổ chức, cá nhân thuộc diện được hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; 3. Cá nhân thuộc diện được | <p>제7장 세액의 환급절차</p> <p>제57조 세액의 환급대상에 해당하는 경우</p> <p>세금관리기관은 다음의 경우에 세액의 환급을 시행한다.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 부가가치세법 규정에 따른 부가가치세 환급대상에 해당하는 개인, 단체 2. 수출입세법 규정에 따른 수출입세 환급대상에 해당하는 개인, 단체 3. 개인소득세에 관한 법률 규 |

hoàn thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

5. Tổ chức, cá nhân nộp các loại thuế khác có số tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế phải nộp.

Điều 58. Hồ sơ hoàn thuế

1. Hồ sơ hoàn thuế bao gồm:

- a) Văn bản yêu cầu hoàn thuế;
- b) Các tài liệu liên quan đến yêu cầu hoàn thuế.

2. Hồ sơ hoàn thuế được nộp một bộ tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc tại cơ quan hải quan có thẩm quyền hoàn thuế.

Điều 59. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế trong việc tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế

1. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận

đến theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện được hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

5. Tổ chức, cá nhân nộp các loại thuế khác có số tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số tiền thuế phải nộp.

제58조 세액 환급서류

1. 세액 환급서류는 다음과 같다.

- a) 세액 환급요청서
- b) 세액 환급요청에 관련된 각종 서류

2. 세액 환급서류는 세무관리기관 또는 세액 환급 관할세관에 1부를 제출한다.

제59조 세액 환급서류의 접수 시 세무관리기관, 세무관리공무원의 책임

1. 세액 환급서류가 세무관리기관에 직접 제출되는 경우 세무관리공무원은 서류를 접수하고 접수서류에 날인하며, 서류의 접수시간 및 장수를 기록한다.

hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ.

2. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được gửi qua đường bưu chính, công chức quản lý thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan quản lý thuế.

3. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được nộp thông qua giao dịch điện tử thì việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ hoàn thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

4. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế chưa đầy đủ, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý thuế phải thông báo cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ.

Điều 60. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế

1. Việc phân loại hồ sơ hoàn thuế được quy định như sau:
 - a) Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau là hồ sơ của người nộp thuế có quá trình, chấp hành tốt pháp luật về thuế và các giao dịch được thanh

2. Thuế hoàn thuế được nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thì ngày nộp thuế được ghi nhận là ngày nộp thuế. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được gửi qua đường bưu chính, ngày nộp thuế được ghi nhận là ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được nộp thông qua giao dịch điện tử thì ngày nộp thuế được ghi nhận là ngày tiếp nhận hồ sơ.

2. 세액 환급서류가 우편으로 송부되는 경우 세무관리공무원 은 서류접수일을 기록하는 날인 을 하고 세무관리기관의 문서기록부에 기록한다.

3. Thuế hoàn thuế được nộp thông qua giao dịch điện tử thì việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ hoàn thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

3. 세액 환급서류가 전자거래를 통하여 제출되는 경우 세무관리기관의 세액 환급서류 접수, 검사, 승낙은 전자데이터처리시스템을 통하여 진행된다.

4. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế chưa đầy đủ, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý thuế phải thông báo cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ.

4. 세액 환급서류가 구비되지 않은 경우 세무관리기관은 서류접수일로부터 3영업일 이내에 서류의 보완을 위하여 세액납부자에게 통보하여야 한다.

제60조 세액 환급서류의 처리 시 세무관리기관의 책임

1. Thuế hoàn thuế được nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thì ngày nộp thuế được ghi nhận là ngày nộp thuế. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được gửi qua đường bưu chính, ngày nộp thuế được ghi nhận là ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hoàn thuế được nộp thông qua giao dịch điện tử thì ngày nộp thuế được ghi nhận là ngày tiếp nhận hồ sơ.
1. 세액 환급서류의 분류업무는 다음과 같이 규정된다.
 - a) 세액의 선환급·후검사 대상에 해당하는 서류는 세금에 관한 법률을 제대로 이행하고 법률 규정에 따라 은행을 통하여 납부거래를 한 세액납부자의 서



| | |
|--|---|
| <p>toán qua ngân hàng theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Các trường hợp thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thuế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; - Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu, trừ trường hợp đề nghị hoàn thuế thu nhập cá nhân; - Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn hai năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế; - Hàng hóa, dịch vụ không thực hiện giao dịch thanh toán qua ngân hàng theo quy định của pháp luật; - Doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước; - Hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế nhưng người nộp thuế không giải | <p>liệu mà nói.</p> <p>b) 선검사·세액의 후환급 대상에 해당하는 경우는 다음과 같다.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 베트남 사회주의공화국이 당사국인 국제조약의 규정에 따른 세액의 환급 - 개인소득세의 환급을 요청하는 경우를 제외하고, 처음으로 세액 환급을 요청하는 세액납부자 - 탈세, 세금포탈행위에 관한 처분을 받은 시점으로부터 2년의 기간 이내에 세액의 환급을 요청하는 세액납부자 - 법률 규정에 따라 은행을 통하여 납부거래를 하지 않은 재화, 용역 - 기업의 합병·통합·분리·해산·파산·소유형태 전환·활동 종료, 국영기업의 인도·매도·위탁·임대 - 세무관리기관의 서면통보기간이 만료되었음에도 세액납부자가 환급서류에 대하여 소명, 보완하지 않거 |
|--|---|

| | |
|--|--|
| <p>trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế; hoặc có giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng;</p> <p>– Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện phải kiểm tra trước, hoàn thuế sau theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau thì chậm nhất là sáu ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế theo đề nghị của người nộp thuế; trường hợp không đáp ứng điều kiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau thì thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau hoặc thông báo lý do không hoàn thuế.</p> <p>3. Thời hạn kiểm tra sau hoàn thuế đối với hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau được quy định như sau:</p> <p>a) Việc kiểm tra sau hoàn thuế phải được thực hiện trong thời hạn một năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế đối với các</p> | <p>na 소명, 보완을 하였음에도 신고세액이 정확함을 증명하지 못하는 경우</p> <p>– 정부 규정에 따라 의무적 선검사·세액의 후환급 대상에 해당하는 수입재화</p> <p>2. 세액의 선환급·후검사 대상에 해당하는 서류에 대하여, 세관관리기관은 구비된 세액 환급 서류를 접수한 날부터 늦어도 6영업일 이내에 세액납부자의 요청에 따른 세액 환급에 대하여 결정하여야 하며, 세액의 선환급·후검사 요건을 충족하지 못하는 경우에는 세액납부자에게 선검사·세액의 후환급 대상으로 서류를 변경하도록 서면으로 통보하거나 세액을 환급하지 않는 사유를 통보한다.</p> <p>3. 세액의 선환급·후검사 서류에 대한 세액의 환급 후 검사기한은 다음과 같이 규정된다.</p> <p>a) 세액의 환급 후 검사는 다음 각 경우의 세금 환급 결정이 있는 날부터 1년의 기간 이내에 진행된다.</p> |
|--|--|

| | |
|---|--|
| <p>trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở kinh doanh kê khai lỗ hai năm liên tục hoặc có số lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu; - Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản; kinh doanh thương mại, dịch vụ; - Cơ sở kinh doanh thay đổi trụ sở từ hai lần trở lên trong vòng mười hai tháng, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế trở về trước; - Cơ sở kinh doanh có sự thay đổi bất thường giữa doanh thu tính thuế và số thuế được hoàn trong giai đoạn mười hai tháng, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế trở về trước; <p>b) Đối với trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này, việc kiểm tra sau hoàn thuế được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro trong thời hạn mười năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.</p> <p>4. Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau</p> | <ul style="list-style-type: none"> - 사업체가 2년 연속하여 손실을 신고하거나 손실액이 소유주의 자본금을 초과하는 경우 - 사업체가 부동산사업, 무역·서비스사업 활동으로 세액의 환급을 받은 경우 - 세금의 환급결정이 있는 날부터 12개월 이내에 사업체가 주소지를 2회 이상 변경하는 경우 - 세금의 환급결정이 있는 날부터 12개월의 기간 동안 과세소득과 환급세액 사이에 비정상적인 변화가 발생하는 사업체 <p>b) 이 항 제a호의 규정에 해당하지 않는 경우, 세액의 환급 후 검사는 세금의 환급결정이 있는 날부터 10년의 기간 이내에 리스크 관리원칙에 따라 진행된다.</p> <p>4. 선검사·세액의 후환급 대상 서류의 경우, 세무관리기관은</p> |
|---|--|



thì chậm nhất là bốn mươi ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không hoàn thuế.

5. Quá thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này, nếu việc chậm ra quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế thì ngoài số tiền thuế phải hoàn, cơ quan quản lý thuế còn phải trả tiền lãi theo quy định của Chính phủ.

구비된 세액 환급서류를 접수한 날부터 늦어도 40영업일 이내에 세액의 환급을 결정하거나 세액을 환급하지 않는 사유를 세액납부자에게 서면으로 통보하여야 한다.

5. 세금관리기관의 과실로 인하여 세액의 환급결정이 지연되어 이 조 제2항 및 제4항에서 규정하는 기한이 지난 경우, 세금관리기관은 환급하여야 하는 세액 이외에 정부의 규정에 따른 이자를 지급하여야 한다.